

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **148/2022/DS-PT**

Ngày: 28-4-2022

V/v “*Tranh chấp quyền sử
dụng đất, bồi thường thiệt
hại tài sản*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- *T phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Tấn L

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tấn T

Ông Sỹ Danh Đ

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Võ T - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:*
Bà Huỳnh Thị Đ - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 16/3/2022, ngày 07/4/2022 và ngày 28/4/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 28/2021/TLPT-DS, ngày 25 tháng 02 năm 2021, về việc: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất, bồi thường thiệt hại tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 72/2020/DS-ST, ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện T bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 105/2021/QĐ-PT ngày 29 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngô Thị Thanh H, sinh năm 1967;

Địa chỉ: Khóm 2, Thị trấn T, huyện T, Đồng Tháp;

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngô Thị Thanh H: Ngô Văn T, sinh năm 1953 (có mặt); Địa chỉ: Khóm 2, Thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (Theo Hợp đồng ủy quyền ngày 14/02/2022).

2. *Bị đơn:* Nguyễn Văn N, sinh năm 1958. Ông Nguyễn Văn N đã chết ngày 21/8/2021. Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông N gồm:

2.1. Huỳnh Lệ T, sinh năm 1962 (vợ ông N);

2.2. Nguyễn N, sinh năm 1985 (con ông N);

2.3. Nguyễn Minh T, sinh năm 1987 (con ông N);

Cùng địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện T, Đồng Tháp.

2.4. Nguyễn Đức K, sinh năm 1982 (con ông N);

Địa chỉ: Số 570, ấp B, xã Đ, huyện T, tỉnh L.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Nguyễn Văn N gồm Huỳnh Lệ T, Nguyễn N và Nguyễn Minh T: Luật sư Lê Ngọc T - Văn phòng Luật sư B, Chi nhánh T thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Phạm Hoàng C, sinh năm 1967 (vắng mặt);

Địa chỉ: Khóm 2, thị trấn T, huyện T, Đồng Tháp.

3.2. Huỳnh Lệ T, sinh năm 1962 (có mặt);

3.3. Nguyễn N, sinh năm 1985 (có mặt);

3.4. Nguyễn Minh T, sinh năm 1987 (có mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện T, Đồng Tháp.

3.5. Pn Văn T, sinh năm 1984 (vắng mặt);

Địa chỉ: Khóm 5, thị trấn T, huyện T, Đồng Tháp.

Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn N là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Ngô Thị Thanh H trình bày:

Vào ngày 19/3/2005, bà Ngô Thị Thanh H có nhận chuyển nhượng của ông Ngô Văn T đất ruộng và đất nền nH, hai bên có làm giấy tay. Phần đất ruộng đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng (QSD) đất do bà H đứng tên. Còn nền nH thì chưa có giấy chứng nhận QSD đất do NH nước chưa cho đăng ký, nền nH có chiều ngang 8m x dài 14m, diện tích 112 m², đất tọa lạc ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Khi bà H mua nền nH của ông Tuyên có ông N là nhân chứng và cùng nhau cắm ranh bằng cọc đá giáp Tỉnh lộ 855 và giáp Kênh C. Sau khi nhận chuyển nhượng đất, bà H chưa có nhu cầu sử dụng do làm ăn xa. Hiện nay, cọc đá giáp ranh giữa đất bà H và ông N đã bị nhổ mất. Vào khoảng tháng 6/2015, Ủy ban nhân dân (UBND) xã T mới cho đăng ký QSD đất. Tuy nhiên, vào ngày 03/8/2015, khi bà H vào UBND xã T để đăng ký QSD đất thì được biết ông Nguyễn Văn N đã đăng ký thừa đất của bà H.

Bà H khởi kiện yêu cầu ông N, Bà T, chị A, anh T, Anh T có trách nhiệm liên đới trả lại phần đất ngang 8m, dài 16,9m, diện tích 135m², thuộc thửa 03, tờ

bản đồ số 67, chưa cấp giấy chứng nhận QSD đất, tọa lạc tại ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp cho bà H.

Đối với yêu cầu độc lập của chị Nguyễn N yêu cầu bà H trả tiền chi phí san lấp nền 3.000.000đ/mét ngang, bà H thống nhất theo yêu cầu của chị A khi Hội đồng xét xử chấp nhận bao nhiêu mét ngang thì bà H sẽ chấp nhận trả lại tiền chi phí san lấp bấy nhiêu cho chị A.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn N trình bày:

Nguồn gốc đất tranh chấp trước đây là do ông N nhận chuyển nhượng của ông Phạm Văn P vào năm 1992, có làm giấy tay, ông N nhận chuyển nhượng vừa đất ruộng vừa đất nền, diện tích đất ngang khoảng 30m, gắn liền với đất ruộng, khi nhận chuyển nhượng đã có lộ nhưng lộ cao hơn đất ruộng khoảng 4 tấc. Phần đất ruộng đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất, còn phần đất nền nH thì chưa được cấp do trước đây NH nước chưa cho đăng ký. Ông N thừa nhận có ký tên trên tờ giấy sang nhượng từ ông Tuyên cho bà H ngày 19/3/2005, nhưng là ký giáp ranh để chuyển quyền sang tên đất ruộng, chứ ông N không có đọc nội dung của tờ sang nhượng. Ông N chỉ ký xác nhận đối với phần đất ruộng, còn phần đất thổ thì ông N không biết, ông N không có nhổ cọc cắm ranh và trước đến nay không biết có việc cắm cọc xác định ranh đất. Đối với giấy sang nhượng ruộng đất ngày 04/5/1996 thì ông N cho rằng ông không có ký. Đến tháng 5 hoặc tháng 6 năm 2015, khi NH nước cho đăng ký QSD đất thì ông N đi đăng ký. Lúc này phía bà H mới ra tranh chấp đất với ông N.

Ông N không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà H, vì phần đất tranh chấp là thuộc quyền sử dụng của gia đình ông N. Tại phiên tòa, ông N yêu cầu xem xét tờ “*Giấy sang nhượng ruộng đất lập ngày 04/5/1996*” mà ông Ba chuyển nhượng cho ông Tuyên, tờ giấy này không có chữ ký của vợ ông Ba là không đúng. Ngoài ra, không có yêu cầu gì khác.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Hoàng C trình bày: Ông C là chồng bà H thống nhất theo lời trình bày của bà H, không trình bày hay yêu cầu gì thêm.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Lệ T trình bày: Bà T là vợ ông N, thống nhất theo lời trình bày của ông N, không bổ sung hay yêu cầu gì thêm.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn N trình bày: Chị A là con của ông N, phần diện tích đất tranh chấp ngang 8m, dài từ lộ 855 xuống Kênh C, diện tích đo đạc thực tế là 135m², diện tích đất trên là của cha chị A là ông N đã cho chị A, chị A có cát nH, có sổ hộ khẩu, nH bị hư nên đã dẹp và đã san lấp với số tiền 24.000.000đ. Nay bà H tranh chấp với ông N diện tích đất

nêu trên chị A không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà H, đề nghị giữ nguyên hiện trạng. Trường hợp Tòa án giải quyết giao một phần hoặc toàn bộ đất tranh chấp cho bà H thì chị A yêu cầu bà H phải trả cho chị chi phí san lấp nền 8 mét ngang, mỗi mét 3.000.000đ/ mét ngang với số tiền là 24.000.000đ. Ngoài ra, chị A không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Pn Văn T trình bày:** Anh T là chồng chị A, Anh T thống nhất theo trình bày và yêu cầu của chị A, Anh T không có ý kiến và yêu cầu gì thêm.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Minh T trình bày:** Anh T là con của ông N, anh T thống nhất theo trình bày của ông N, anh T không trình bày hay yêu cầu gì thêm.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 72/2020/DS-ST, ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện T đã xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Ngô Thị Thanh H đối với ông Nguyễn Văn N, bà Huỳnh Lê T, chị Nguyễn N, anh Nguyễn Minh T, anh Pn Văn T.

Bà Ngô Thị Thanh H được quyền sử dụng đất diện tích đất 135m² trong phạm vi các mốc 4-5-10-9-12-11-4, thửa đất số 3, tờ bản đồ số 67, đất tọa lạc tại ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp, vị trí đo đạc cụ thể như sau:

- Hướng đông: Đo từ mốc 05 đến mốc 10 (giáp với phần còn lại của thửa số 3) có cạnh 6,4mét; Đo từ mốc 10 đến mốc 09 (giáp với phần còn lại của thửa số 3) có cạnh là 10,5 mét.

- Hướng tây: Đo từ mốc 11 đến mốc 04 (giáp với phần còn lại của thửa số 3) có cạnh là 6,4mét; Đo từ mốc 12 đến mốc 11 (giáp với phần còn lại của thửa số 3) có cạnh là 10,5 mét.

- Hướng nam: Đo từ mốc 09 đến mốc 12 (giáp với Tỉnh lộ 855), có cạnh là 8 mét.

- Hướng bắc: Đo từ mốc 04 đến mốc 05 (giáp với Kênh C) có cạnh là 8 mét.

Buộc ông Nguyễn Văn N, bà Huỳnh Lê T, chị Nguyễn N, anh Nguyễn Minh T, anh Pn Văn T có nghĩa vụ liên đới di dời toàn bộ cây trồng và tài sản khác có trên đất để giao bà Ngô Thị Thanh H được quyền sử dụng như đã nêu trên.

(Kèm theo sơ đồ hiện trạng và sơ đồ mốc ngày 02/10/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T và Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 02/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện T).

Bà Ngô Thị Thanh H có trách nhiệm đến cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục đăng ký, kê khai quyền sử dụng đất đã được giao như nêu trên theo quy định của pháp luật.

2. Chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn N đối với bà Ngô Thị Thanh H.

Buộc bà Ngô Thị Thanh H có trách nhiệm trả chi phí san lấp cho chị Nguyễn N số tiền 24.000.000đ (Hai mươi bốn triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi Hình án của người được thi Hình án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi Hình án) cho đến khi thi Hình án xong, bên phải thi Hình án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi Hình án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về chi phí tố tụng khác: Áp dụng khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Buộc ông Nguyễn Văn N, bà Huỳnh Lê T, chị Nguyễn N, anh Nguyễn Minh T, anh Pn Văn T có nghĩa vụ trả cho bà Ngô Thị Thanh H chi phí xem xét thẩm định tại chỗ số tiền là 2.450.000đ (Hai triệu, bốn trăm năm mươi nghìn đồng) và chi phí định giá là 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng). Tổng cộng là 2.950.000đ (Hai triệu, chín trăm năm mươi nghìn đồng).

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Ngô Thị Thanh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.200.000đ (Một triệu, hai trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.120.000đ (Một triệu, một trăm hai mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số: BH/2018/0000544, ngày 03/7/2019 tại Chi cục Thi Hình án dân sự huyện T. Bà Ngô Thị Thanh H còn phải nộp tiếp số tiền 80.000đ (Tám mươi nghìn đồng).

- Ông Nguyễn Văn N, bà Huỳnh Lê T, chị Nguyễn N, anh Nguyễn Minh T, anh Pn Văn T phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 472.500đ (Bốn trăm bảy mươi hai nghìn, năm trăm đồng). Ông Nguyễn Văn N là người cao tuổi nên được miễn nộp số tiền 94.500đ (Chín mươi bốn triệu, năm trăm nghìn đồng). Bà Huỳnh Lê T, chị Nguyễn N, anh Nguyễn Minh T, anh Pn Văn T phải liên đới nộp án phí ứng án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 378.000đ (Ba trăm bảy mươi tám nghìn đồng).

- Bà Nguyễn N được nhận lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số: BI/2019/0010369 ngày 28/10/2020 tại Chi cục Thi Hình án dân sự huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên thời hạn, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ, thời hiệu thi Hình án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 08/01/2021 ông Nguyễn Văn N là bị đơn trong vụ án đã nộp đơn kháng cáo đề ngày 07/01/2022 kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm số: 72/2020/DS-ST, ngày 31/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện T (viết tắt là bản án sơ thẩm). Ông N yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ

thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị Thanh H, công nhận QSD đất ngang 8m x dài 16,9m, tổng diện tích là 135m², tọa lạc ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp là của ông N chứ không phải của bà H.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bà Huỳnh Lệ T, chị Nguyễn N, anh Nguyễn Đức K và anh Nguyễn Minh T là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Nguyễn Văn N (còn viết tắt là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Nguyễn Văn N) và ông Ngô Văn T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Ngô Thị Thanh H thống nhất thỏa thuận việc chia đất tranh chấp diện tích đất 135m² trong phạm vi các mốc 4-5-10-9-12-11-4, thửa đất số 3, tờ bản đồ số 67, đất tọa lạc tại ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp làm 02 phần, theo đó phía hộ ông Nguyễn Văn N gồm: ông Nguyễn Văn N, bà Huỳnh Lệ T, chị Nguyễn N, anh Nguyễn Minh T, anh Pn Văn T (viết tắt là hộ ông Nguyễn Văn N) sẽ nhận phần đất tiếp giáp đất ông N ngang 4m x dài từ Tỉnh lộ 855 đến Kênh C và phía nguyên đơn bà H sẽ nhận phần đất tiếp giáp đất Ông C, bà H ngang 4m x dài từ Tỉnh lộ 855 đến Kênh C. Ngoài ra, hộ ông Nguyễn Văn N cũng thống nhất có nghĩa vụ di dời toàn bộ cây trồng, vật kiến trúc và tài sản khác có trên đất chia cho bà H như nêu trên để giao đất cho bà H được quyền sử dụng.

- Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Nguyễn Văn N thống nhất quyết định bản án sơ thẩm về án phí sơ thẩm về việc chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản theo bản án sơ thẩm. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn N yêu cầu bà Ngô Thị Thanh H có trách nhiệm trả chi phí san lấp cho chị A số tiền 12.000.000 đồng đối với phần đất bà H được sử dụng ngang 4m x dài từ Tỉnh lộ 855 đến Kênh C như nêu trên.

- Ông Ngô Văn T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Ngô Thị Thanh H thống nhất thỏa thuận với người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Nguyễn Văn N như nêu trên, tuy nhiên không thống nhất trả chi phí san lấp cho chị Nguyễn N số tiền 12.000.000 đồng đối với phần đất bà H được sử dụng ngang 4m x dài từ Tỉnh lộ 855 đến Kênh C theo yêu cầu của chị A và yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét, quyết định nội dung này theo quy định của pháp luật.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: từ khi thụ lý giải quyết vụ việc để xét xử phúc thẩm đến trước thời điểm nghị án Thẩm phán đã tuân theo đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự; Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định Bộ luật Tố tụng dân sự về

việc xét xử phúc thẩm vụ án; Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Kháng cáo của ông Nguyễn Văn N trong thời hạn luật định, nên được xem xét để xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

+ Về nội dung: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 300 và khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự sửa một phần bản án sơ thẩm, chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn N (do ông N đã chết, nên do những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông N đại diện). Theo đó, chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm và chấp nhận yêu cầu của chị A, buộc bà H trả chi phí san lấp cho chị A số tiền 12.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện T thụ lý và giải quyết sơ thẩm vụ án “*Tranh chấp quyền sử dụng đất, bồi thường thiệt hại tài sản*” là đúng quy định tại khoản 6, 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án. Sau khi xét xử sơ thẩm bị đơn ông Nguyễn Văn N không thống nhất bản án dân sự sơ thẩm số: 72/2020/DS-ST, ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện T (viết tắt là bản án sơ thẩm) nên đã kháng cáo. Việc ông N nộp đơn kháng cáo ngày 08/01/2021 là trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Phạm Hoàng C và anh Pn Văn T vắng mặt sau khi được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Ông C và Anh T theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Nguồn gốc đất tranh chấp theo đo đạc thực tế ngang 8m x dài 16,9m, diện tích 135m², thuộc thửa 03, tờ bản đồ số 67, đất chưa được cấp giấy chứng nhận QSD đất, tọa lạc tại ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (viết tắt là đất tranh chấp) là của ông Nguyễn Văn Ba chuyển nhượng cho ông Ngô Văn T bao gồm: phần diện tích đất ruộng (L) và một cái nền nh (ONT), các bên có làm “*Giấy sang nhượng ruộng đất lập ngày 4/5/1996*”. Sau đó đến ngày 19/3/2005 thì bà Ngô Thị Thanh H nhận chuyển nhượng của ông Ngô Văn T gồm: đất ruộng (L) và đất nền nh (ONT), hai bên có làm giấy tay “*Giấy sang nhượng ruộng đất lập ngày 19/3/2005*” thể hiện ông Tuyên chuyển nhượng cho bà H diện tích đất ruộng là 11.392m² (không tranh chấp) và một cái nền nh, một

bên giáp đất Ông C, một bên giáp đất ông N, từ lề đường đến bờ kênh (tức từ Tỉnh lộ 855 đến kênh C), chiều ngang 8m, với số vàng là 130 chỉ vàng 24Kra, khi nhận chuyển nhượng đất từ ông Tuyên có các nhân chứng như: ông Nguyễn Văn N, ông Phạm Hoàng C, ông Nguyễn Văn Triều, bà Đặng Thị Kim Loan ký tên chứng kiến và có xác nhận của ông Nguyễn Văn Hiệp. Sau khi nhận chuyển nhượng đất, bà H chưa có nhu cầu sử dụng do đi làm ăn xa nên để cho gia đình ông N sử dụng. Vào khoảng tháng 6 năm 2015, UBND xã T thông báo cho người dân đăng ký QSD đất. Khi bà H vào UBND Xã đăng ký QSD đất thì được biết ông Nguyễn Văn N đã đăng ký, nên đã phát sinh tranh chấp.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy tại phiên tòa phúc thẩm giữa người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Nguyễn Văn N và nguyên đơn bà Ngô Thị Thanh H đã thống nhất thỏa thuận việc chia đất tranh chấp diện tích đất 135m² trong phạm vi các mốc 4-5-10-9-12-11-4, thửa đất số 3, tờ bản đồ số 67, đất tọa lạc tại ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp làm 02 phần, theo đó phía hộ ông Nguyễn Văn N sẽ nhận phần đất tiếp giáp đất ông N ngang 4m x dài từ Tỉnh lộ 855 đến Kênh C và phía nguyên đơn bà H sẽ nhận phần đất tiếp giáp đất Ông C, bà H ngang 4m x dài từ Tỉnh lộ 855 đến Kênh C là 16,9m. Xét sự thỏa thuận này giữa các đương sự là tự nguyện, không trái pháp luật đồng thời cũng đảm bảo sự ổn định đời sống, giảm bớt mâu thuẫn và tạo mối liên hệ thuận hòa trong nhân dân, nên được Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Đối với việc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn N tiếp tục yêu cầu nguyên đơn bà Ngô Thị Thanh H có trách nhiệm trả chi phí san lấp cho chị A số tiền 12.000.000 đồng đối với phần đất bà H được sử dụng ngang 4m x dài từ Tỉnh lộ 855 đến Kênh C như nêu trên. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của chị A là có cơ sở và hợp lý. Bởi lẽ, tại cấp sơ thẩm bà H đã thống nhất trả chi phí san lấp cho chị A chiều ngang đất tranh chấp một mét là 3.000.000đ. Vì vậy, việc bà H sử dụng đất chiều ngang 4 mét như nêu trên thì có nghĩa vụ chi trả chi phí san lấp cho chị A 12.000.000đ (4 mét ngang x 3.000.000đ) là phù hợp, nên yêu cầu của chị A được chấp nhận, theo đó bà H có nghĩa vụ trả cho chị A chi phí san lấp nên là 12.000.000đ.

Ngoài ra, Hội đồng xét xử xét cũng ghi nhận sự tự nguyện của người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Nguyễn Văn N về việc thống nhất với quyết định bản án sơ thẩm về án phí sơ thẩm và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản mà hộ ông Nguyễn Văn N phải chịu.

[4] Từ cơ sở trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn N, sửa bản án sơ thẩm theo sự thỏa thuận giữa các

đương sự tại phiên tòa phúc thẩm và sửa án phí dân sự sơ thẩm mà đương sự phải chịu.

[6] Đối với quan điểm và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay như nêu trên. Hội đồng xét xử xét thấy là có cơ sở và phù hợp pháp luật nên được xem xét chấp nhận.

[7] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của ông Nguyễn Văn N được chấp nhận một phần và do bản án sơ thẩm bị sửa, nên ông N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Đối với án phí sơ thẩm do ông N là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí, nên ông N được miễn án phí theo quy định tại Điểm đ, khoản 1 Điều 12, Điều 26 và Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 300 và khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn N;
2. Công nhận sự thỏa thuận giữa người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Nguyễn Văn N và nguyên đơn bà Ngô Thị Thanh H tại phiên tòa phúc thẩm;
3. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm;

Áp dụng khoản 6, 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 148, 157, 165, 186, 188, 189, 190, 201, 202, 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 166, 167 và Điều 203 của Luật đất đai năm 2013; Điều 589 của Bộ luật Dân sự; Điểm đ, khoản 1 Điều 12, Điều 26 và Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị Thanh H đối với hộ ông Nguyễn Văn N, bà Huỳnh Lệ T, chị Nguyễn N, anh Nguyễn Minh T và anh Pn Văn T (viết tắt là hộ ông Nguyễn Văn N).

Công nhận sự thỏa thuận giữa người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Nguyễn Văn N và nguyên đơn bà Ngô Thị Thanh H tại phiên tòa phúc thẩm về việc chia đất tranh chấp diện tích đất 135m² trong phạm vi các

mốc 4-5-10-9-12-11-4, thửa đất số 3, tờ bản đồ số 67, đất tọa lạc tại ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp làm 02 phần, theo đó phía hộ ông Nguyễn Văn N sẽ nhận phần đất tiếp giáp đất ông N ngang 4m x dài từ Tỉnh lộ 855 đến Kênh C với diện tích đất là $67,5\text{m}^2$ và phía nguyên đơn bà H sẽ nhận phần đất tiếp giáp đất Ông C, bà H ngang 4m x dài từ Tỉnh lộ 855 đến Kênh C với diện tích đất là $67,5\text{m}^2$.

- Công nhận cho bà Ngô Thị Thanh H được quyền sử dụng đất diện tích đất $67,5\text{m}^2$ ($135\text{m}^2/2$) trong phạm vi các mốc 4-13-14-12-11-4, thửa đất số 3, tờ bản đồ số 67, đất tọa lạc tại ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp theo Sơ đồ mốc khu đất tranh chấp ngày 06/4/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Buộc hộ ông Nguyễn Văn N có nghĩa vụ di dời toàn bộ cây trồng, vật kiến trúc và tài sản khác có trên diện tích đất $67,5\text{m}^2$ nêu trên để giao cho bà Ngô Thị Thanh H được quyền sử dụng.

- Công nhận cho hộ ông Nguyễn Văn N được quyền sử dụng đất diện tích đất $67,5\text{m}^2$ ($135\text{m}^2/2$) trong phạm vi các mốc 13-5-10-9-14-13, thửa đất số 3, tờ bản đồ số 67, đất tọa lạc tại ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp theo Sơ đồ mốc khu đất tranh chấp ngày 06/4/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

(Kèm theo Sơ đồ hiện trạng và Sơ đồ mốc ngày 02/10/2019 và ngày 06/4/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T và Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 02/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp).

Bà Ngô Thị Thanh H và hộ ông Nguyễn Văn N có trách nhiệm đến cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục đăng ký, kê khai quyền sử dụng đất đã được công nhận như nêu trên theo quy định của pháp luật.

2.2. Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn N đối với bà Ngô Thị Thanh H.

Buộc bà Ngô Thị Thanh H có nghĩa vụ trả chi phí san lấp cho chị Nguyễn N số tiền 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi Hình án của người được thi Hình án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi Hình án) cho đến khi thi Hình án xong, bên phải thi Hình án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi Hình án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2.3. Về chi phí tố tụng khác:

Buộc hộ ông Nguyễn Văn N có nghĩa vụ trả cho bà Ngô Thị Thanh H chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền là 2.450.000đ (Hai triệu, bốn trăm năm mươi nghìn đồng) và chi phí định giá là 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng). Tổng cộng là 2.950.000đ (Hai triệu, chín trăm năm mươi nghìn đồng).

2.4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Ngô Thị Thanh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà bà H đã nộp là 1.120.000đ (Một triệu, một trăm hai mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số: BH/2018/0000544 ngày 03/7/2019 của Chi cục Thi Hành án dân sự huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Bà Ngô Thị Thanh H được nhận lại số tiền thừa là 520.000đ (Năm trăm hai mươi nghìn đồng).

- Hộ ông Nguyễn Văn N, bà Huỳnh Lệ T, chị Nguyễn N, anh Nguyễn Minh T và anh Pn Văn T phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 472.500đ (Bốn trăm bảy mươi hai nghìn, năm trăm đồng). Do ông Nguyễn Văn N là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí, nên ông N được miễn nộp số tiền 94.500đ (Chín mươi bốn nghìn, năm trăm đồng). Bà Huỳnh Lệ T, chị Nguyễn N, anh Nguyễn Minh T và anh Pn Văn T phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 378.000đ (Ba trăm bảy mươi tám nghìn đồng).

- Chị Nguyễn N được nhận lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số: BI/2019/0010369 ngày 28/10/2020 tại Chi cục Thi Hành án dân sự huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm

- Ông Nguyễn Văn N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi Hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi Hành án dân sự thì người được thi Hành án dân sự, người phải thi Hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi Hành án, quyền yêu cầu thi Hành án, tự nguyện thi Hành án hoặc bị cưỡng chế thi Hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi Hành án dân sự; thời hiệu thi Hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi Hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Phòng GD-KT TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Đường sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS (Ngọc).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Ngô Tấn L

